

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỒNG PHÚ
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 32/2017/DS-ST

Ngày: 13/12/2017

V/v Tranh chấp hợp đồng thuê
khoán tài sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nguyên Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Viết Xứng

2. Ông Nguyễn Thành Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thị Quỳnh Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Dung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 13 tháng 12 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2017/TLST- DS ngày 22 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2017/QĐXX-ST ngày 19 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Ông Phan Xuân A, sinh năm 1947. Ủy quyền cho bà Lê Thị B.

Bà Lê Thị B, sinh năm 1952 (có mặt)

Địa chỉ: Đội A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Phước.

**Bị đơn:* Anh Phan Xuân P, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ: A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Phước.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Chị Võ Thị L, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp S, xã X, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Chị Phan Thị T, sinh năm 1986 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Đội A, ấp B, xã C, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Ông Trần Hữu N, sinh năm 1960

Trú tại: Ấp B, xã C, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2017, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị B và ông Phan Xuân A trình bày:

Ngày 06/9/2016, vợ chồng bà B có bán điều bông tại diện tích 02 ha, tọa lạc đội A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Phước cho vợ chồng anh Phan Xuân P và chị Võ Thị L với giá là 45.000.000 đồng/năm. Thời hạn bán điều bông là từ năm

2017 đến năm 2021 dương lịch. Các bên thỏa thuận đến tháng 3 âm lịch hàng năm, vợ chồng anh Phú phải trả tiền cho vợ chồng bà B, ông A. Vợ chồng anh P có trách nhiệm chăm bón phân, xới cỏ đầy đủ, nếu vợ chồng anh Phú không chăm sóc và làm hư điều thì vợ chồng bà B sẽ lấy lại. Việc mua bán này có làm giấy tờ viết tay tại nhà bà B, do bà B viết và có chữ ký của bà B, ông A, anh P và chị L.

Một thời gian sau, vợ chồng anh P xảy ra mâu thuẫn dẫn đến ly hôn nên ngày 25/11/2016 âm lịch, anh P đến nhà nói với vợ chồng bà B là trả lại vườn điều. Sự việc này chỉ nói bằng miệng và không làm thành văn bản. Sau đó, vợ chồng bà B đã bán điều bông cho ông N vào tháng 01/2017 với giá là 125.000.000/năm, các bên có làm thành văn bản. Sau khi mua điều bông của vợ chồng bà B, ông N đã bán lại cho người thứ ba là ông H (không rõ họ). Tuy nhiên, khi ông H vào dọn vườn điều thì anh P ngăn cản không có ông H vào làm. Sự việc này diễn ra ba đến bốn lần nên ông H không làm nữa và yêu cầu vợ chồng bà B phải trả lại cho ông H số tiền 135.000.000 đồng. Vợ chồng bà B đã trả lại tiền cho ông H và nhận lại vườn điều.

Ngày 18/4/2017, bà B vào vườn điều thì phát hiện điều bị cưa mất 02 cây và một số cây bị cưa cành. Sự việc này bà B đã báo với công an xã B, huyện D, tỉnh Bình Phước. Công an xã B đã vào làm việc, lập biên bản và anh P cũng đã thừa nhận số cây điều và cành điều bị cưa là do anh P làm.

Mùa điều năm 2017, anh P thu hoạch nhưng chưa trả tiền mua điều bông cho vợ chồng bà B. Do anh P tự ý chặt điều và không trả tiền điều bông năm 2017 nên bà B yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Phan Xuân P phải trả cho bà Lê Thị B và ông Phan Xuân A tiền mua điều bông năm 2017 là 45.000.000 đồng; Yêu cầu anh P phải bồi thường số cây điều do anh P đã tự ý cưa cây và cành là 2.000.000 đồng; Yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng bán điều bông được xác lập vào ngày 06/9/2016 với anh P.

Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, bà Lê Thị B xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu anh Phan Xuân P phải trả cho bà Lê Thị B và ông Phan Xuân A tiền mua điều bông năm 2017 là 45.000.000 đồng và yêu cầu anh P phải bồi thường số cây điều anh P đã cưa cây và cành là 2.000.000 đồng. Đồng thời, tại phiên tòa bà B đồng ý trả cho anh P số tiền 40.000.000 đồng tiền công bón phân, chăm sóc vườn điều.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Phan Xuân A ủy quyền cho bà Lê Thị B.

Ngoài ra bà B không có yêu cầu nào khác.

*Tại bản tự khai bị đơn anh Phan Xuân P trình bày:

Anh Phan Xuân P là con ruột của bà Lê Thị B và ông Phan Xuân A. Chị Võ Thị L trước đây là vợ của anh P.

Ngày 06/9/2016, anh P và chị L có làm hợp đồng tay mua điều bông của bà B và ông A. Các bên có thỏa thuận thời hạn của hợp đồng mua điều bông là 05 năm tính từ năm 2017 cho đến năm 2021. Mỗi năm anh P sẽ trả cho vợ chồng bà B là 45.000.000 đồng. Các bên thỏa thuận thời hạn trả tiền là vào tháng 3 âm lịch hàng năm. Anh P có trách nhiệm chăm bón phân, xới cỏ đầy đủ cho cây điều. Ngoài ra,

các bên còn thỏa thuận “nếu tôi làm hư hỏng điều thì bố mẹ tôi sẽ lấy lại điều”. Giấy bán điều bông đề ngày 06/9/2016 là do bà Lê Thị B viết và có chữ ký của bà B, ông A, anh P và chị L.

Từ tháng 9/2016, anh P vào dọn cỏ và bón phân cho cây điều, mùa điều năm 2017 là anh P thu hoạch. Tiền mua điều bông năm 2017 là 45.000.000 đồng, anh P đã nhiều lần đến nhà vợ chồng bà B để trả tiền nhưng bà B và ông A không nhận. Sự việc này, anh P có nhờ đại diện Ban ấp can thiệp.

Vào ngày 11/12/2016, anh P vào vườn điều thì phát hiện có 02 người phát cỏ tại vườn điều mà anh P đang mua điều bông của bà B. Anh P hỏi 02 người đó trả lời đã mua điều bông của vợ chồng bà B, ông A. Việc vợ chồng bà B bán điều bông cho 02 người nói trên có làm thành văn bản. Hai người này anh P không biết.

Tới tháng 02/2017, anh P vào vườn điều thì thấy ông H (không nhớ rõ họ tên) ở huyện X, tỉnh Bình Phước đang thổi lá và lượm điều, anh P có hỏi ông H có nói là mua điều bông từ người khác mua của bà B bán lại cho ông H. Anh P có về gặp bà B để nói rõ việc đã bán điều bông cho anh P sao còn bán lại cho người khác. Bà B thừa nhận đã bán điều bông lại cho người khác với giá 125.000.000 đồng/năm và không đồng ý tiếp tục bán điều bông cho anh P nữa.

Ngày 16/4/2017, anh P thấy 01 cây điều bị chết và 01 cây bị sâu đục thân nên đã cho anh C (không nhớ họ tên) cưa 02 cây điều và cưa các cành điều bị khô và sà xuống mặt đất.

Từ khi anh P mua điều bông cho tới nay, anh P vẫn chăm sóc, bón phân, xịt cỏ cho cây điều.

Nay, trước yêu cầu khởi kiện của bà B và ông A, anh P không đồng ý. Anh P yêu cầu được tiếp tục thực hiện hợp đồng mua điều bông được xác lập với bà Lê Thị B và ông Phan Xuân A vào ngày 06/9/2016. Anh P sẽ trả tiền mua điều bông năm 2017 là 45.000.000 đồng và tiền bồi thường do cưa cây và cành điều là 2.000.000 đồng cho bà B và ông A.

Ngoài ra anh P không có yêu cầu nào khác. Tại phiên tòa anh P đồng ý hủy hợp đồng mua bán điều bông với vợ chồng bà B và yêu cầu giải quyết hậu quả hợp đồng buộc vợ chồng bà B phải trả cho anh P số tiền 40.000.000 đồng tiền công bón phân, chăm sóc vườn điều.

*Tại bản tự khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị L trình bày:

Trước đây chị L là vợ của anh P và là con dâu của bà B và ông A. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn nên anh P và chị L đã làm đơn ly hôn và được Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú giải quyết cho ly hôn bằng Quyết định công nhận thuận tình ly hôn vào tháng 12/2016.

Việc vợ chồng bà B bán điều bông cho chị L và anh P, chị L có biết và có ký vào giấy mua bán điều bông được lập vào ngày 06/9/2016 tại nhà bà B và có chữ ký của bà B, ông A, anh P và chị L.

Các bên cùng thỏa thuận mua điều bông trong thời hạn 5 năm từ năm 2017 đến năm 2021 với giá là 45.000.000 đồng/năm. Tới tháng 3 âm lịch hàng năm, chị L và anh P phải trả tiền cho vợ chồng bà B.

Trong thời gian từ tháng 9 đến tháng 12/2016, chị L cùng anh P vào vườn điều bón phân, xịt cỏ và thu hoạch điều. Việc bà B bán điều bông cho người khác, chị L có nghe anh P nói lại.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông A và bà B, chị L không có ý kiến gì và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị T trình bày:

Chị T là con ruột của bà Lê Thị B và ông Phan Xuân A, còn anh Phan Xuân P là anh trai của chị T.

Bà B và ông A có 01 mảnh đất có diện tích khoảng hơn 02 ha, tọa lạc tại đội A, ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Phước. Nguồn gốc đất là do ông A và bà B khai hoang năm 1987 mà có. Trên đất có trồng điều vào năm 1988.

Vào năm 2010, cơ quan chức năng có về tiến hành đo đạc chính quy để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vào thời điểm đó, anh trai chị Thịnh tên là Phan Xuân C, sinh năm 1978 bị tai nạn lao động phải nằm tại bệnh viện Chợ Rẫy, bà B phải đi theo chăm anh C tại thành phố Hồ Chí Minh nên nhờ chị T đứng tên trong thủ tục kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tới tháng 06/2017, sau khi làm xong hồ sơ kê khai, cán bộ địa chính xã C, huyện D đã chuyển hồ sơ của xuống chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện D để làm sổ. Hiện tại mảnh đất nói trên chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chị Thịnh khẳng định mảnh đất có diện tích khoảng 02 ha, tọa lạc tại đội 1, ấp 1, xã Đồng Tâm, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước là đất của ông Ân và bà Bao và chị Thịnh chỉ là người đứng tên hộ trong thủ tục kê khai làm sổ.

Việc bà B khởi kiện anh P, chị T có biết. Trước yêu cầu khởi kiện của bà B và ông A, chị T không có ý kiến gì vì mảnh đất trồng điều nói trên là tài sản của ông A và bà B nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Hữu N trình bày:

Ông Trần Hữu N có quan hệ quen biết với bà Lê Thị B, ông Phan Xuân A, anh Phan Xuân P và chị Võ Thị L vì ở cùng địa phương. Việc vợ chồng bà B bán điều bông cho anh P thì ông N cũng biết. Vào năm 2016 (không nhớ ngày tháng cụ thể), bà Lê Thị B có bán cho ông N điều bông với diện tích khoảng 05 ha, tọa lạc tại ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Phước với giá 285.000.000 đồng. Ông N đã giao đủ tiền cho bà B và bà B đã giao vườn điều cho ông N. Sau đó, ông N đã bán lại điều bông tại diện tích nói trên cho ông Đặng Viết H, sinh năm 1960, trú tại: Ấp 5, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước với giá 310.000.000 đồng và ông H cũng đã giao đủ tiền cho ông N. Sau khi bán lại cho ông H, gia đình ông H vào dọn vườn để thu hoạch điều nhưng anh P không cho thu hoạch điều với diện tích khoảng 02 ha tại địa chỉ nói trên. Anh P nói diện tích điều khoảng 02 ha anh P đã mua của vợ chồng bà B, ông A với thời hạn là 05 năm. Vì vậy, ông H không thể thu hoạch điều trên diện tích 02 ha nói trên. Ông H có nói lại với ông N toàn bộ sự việc và ông N đã làm đơn gửi lên Ủy ban nhân dân xã C và Ủy ban xã có mời các bên lên làm việc. Bà B đã làm giấy tờ trả tiền thiệt hại cho ông H với số tiền 135.000.000 đồng có sự

chứng kiến của ông N.

Nay, trước yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà B, ông A thì ông N không có ý kiến, yêu cầu gì vì việc ông N bán lại điều bông cho ông H và việc ông H không thu hoạch được điều thì bà B đã bồi thường thiệt hại cho ông H có làm giấy tờ. Hiện tại, ông N không còn liên quan gì đến việc mua bán điều bông với bà B, ông A.

Ngoài ra không có yêu cầu nào khác.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát : Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tuyên hủy hợp đồng mua bán điều bông giữa ông Phan Xuân A, bà Lê Thị B và anh Phan Xuân P ngày 06/9/2017.

Nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền mua điều bông năm 2017 là 45.000.000 đồng và tiền bồi thường do bị đơn cưa điều là 2.000.000 đồng. Tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 47.000.000 đồng. Do vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cần đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu trên và đề nghị giải quyết về phần án phí theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn đồng ý bồi thường cho bị đơn số tiền 40.000.000 đồng khi hủy hợp đồng thuê khoán tài sản trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

-Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/5/2017, nguyên đơn là bà Lê Thị B và ông Phan Xuân A yêu cầu tuyên hủy hợp đồng mua bán điều bông được xác lập vào ngày 06/9/2016 với anh Phan Xuân P. Vì vậy, đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng thuê khoán tài sản " được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

-Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn là anh Phan Xuân P cư trú tại đội A ấp B, xã C, huyện D, tỉnh Bình Phước, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Hợp đồng thuê khoán tài sản giữa ông Phan Xuân A, bà Lê Thị B và anh Phan Xuân P, chị Võ Thị L phát sinh từ ngày 06/9/2016. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả tiền mua điều bông và tự ý cưa cây điều khi chưa được sự đồng ý của đồng nguyên đơn, đến ngày 09/5/2017, bà Lê Thị B khởi kiện đến Tòa án. Do vậy, pháp luật được áp dụng để giải quyết trong vụ án là Bộ luật dân sự năm 2005. Tuy nhiên, về hình thức và nội dung của hợp đồng

thuê khoán tài sản phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, theo hướng dẫn tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Luật áp dụng để giải quyết là Bộ luật dân sự năm 2015.

Việc giao kết hợp đồng giữa ông Phan Xuân A, bà Lê Thị B và anh Phan Xuân P, chị Võ Thị L được thực hiện trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên được pháp luật bảo vệ.

-Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của ông A là bà Lê Thị B, bị đơn là anh Phan Xuân P, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Võ Thị L, chị Phan Thị T, ông Trần Hữu N giao nộp tài liệu, chứng cứ; yêu cầu thu thập tài liệu, chứng cứ; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Hữu N và chị Phan Thị T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tiến hành triệu tập người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đặng Viết H nhưng vắng mặt không có lý do. Qua xác minh, tại ấp 5, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước không có ai tên là Đặng Viết H.

-Yêu cầu của đương sự:

[1]Bà Lê Thị B và ông Phan Xuân A yêu cầu Tòa án tuyên hủy hợp đồng mua bán điều bông được xác lập vào ngày 06/9/2016 với anh Phan Xuân P.

Yêu cầu này được bà Lê Thị B chứng minh qua lời trình bày của mình trước đây và tại phiên tòa cũng như giấy mua bán điều bông đề ngày 06/9/2016 (Tài liệu do bà B cung cấp kèm theo đơn khởi kiện – Bút lục số 08 và 10)

Xét thấy, yêu cầu của bà Lê Thị B và ông Phan Xuân A là có cơ sở, bởi lẽ: Bà B cho rằng vì anh P vi phạm nghĩa vụ trả tiền mua điều bông năm 2017 cho bà B và ông A là 45.000.000 đồng và việc anh P tự ý cưa điều khi chưa được sự đồng ý của vợ chồng bà B đã vi phạm hợp đồng. Do đó, vợ chồng bà B không đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng mua bán điều bông đã ký với anh P và chị L. Anh Phan Xuân P thừa nhận từ khi giao kết hợp đồng mua bán điều bông với ông A và bà B thì anh P chưa trả tiền mua điều bông năm 2017 cho vợ chồng ông A, bà B.

Tại hợp đồng mua bán điều bông được xác lập ngày 06/9/2016, các bên có thỏa thuận trách nhiệm của anh P và chị L khi mua điều bông phải “chăm sóc bón phân, xịt cỏ đầy đủ, nếu không chăm sóc bỏ leo lỏng hư điều thì ông bà tôi lấy lại. Nếu bên nào sai thì bên đó phải chịu trách nhiệm”. Trong quá trình khai thác và chăm sóc điều, ngày 21/4/2017 anh P lại tự ý cho người cưa cây điều và cành điều khi chưa được sự đồng ý của bà B và ông A. Theo biên bản kiểm tra hiện trường được lập ngày 21/4/2017 của công an xã C, huyện D, tỉnh Bình Phước có 30 cây điều bị cắt đứt lìa cành để lấy bao bì và củi, gồm các loại cành có kích thước và đường kính từ 08cm đến 44,5cm, có 02 cây điều bị cắt sát gốc, mỗi cây có kích thước 39 x 29cm và 30 x 37 cm. Các cành nhỏ và lá được chát thành từng đống được để trên rẫy. Các cành điều bị cắt có vị trí từ gốc lên ngọn 4m. Có bản ảnh kèm theo.

[2] Tại biên bản lấy lời khai của ông Trần Hữu N xác định trước đó ông và vợ chồng bà B có làm hợp đồng mua bán điều bông tuy nhiên do trong quá trình thực hiện hợp đồng anh Phú có vào tranh chấp nên ông H và bà B đã thanh lý hợp đồng và ông N cũng không có yêu cầu gì.

[3] Đối với yêu cầu của anh P đề nghị được tiếp tục thực hiện hợp đồng. Như đã nhận định ở mục [1] việc giao kết hợp đồng giữa anh P và vợ chồng bà B là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng anh P đã có những vi phạm cụ thể: Chưa trả tiền mua điều bông cho vợ chồng bà B, tự ý chặt và cưa cây điều lấy bao bì khi chưa có sự đồng ý của vợ chồng bà B. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh P. Tại phiên tòa, anh P cũng đồng ý hủy hợp đồng và yêu cầu phía nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại khi hợp đồng bị hủy với số tiền là 40.000.000 đồng. Bà B cũng đồng ý như yêu cầu của anh P nên cần ghi nhận.

[4] Trước đây, trong quá trình công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn rút yêu cầu buộc bị đơn phải trả tiền mua điều bông năm 2017 là 45.000.000 đồng và tiền bồi thường do bị đơn cưa điều là 2.000.000 đồng. Tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 47.000.000 đồng. Do vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 cần đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu trên và giải quyết về phần án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Đối với chi phí xem xét thẩm định các bên đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước nêu trên đối với việc giải quyết vụ án là có cơ sở, cần được xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu của bà Bao được chấp nhận nên anh Phú phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 483, 484, 485, 486, 492, 493 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn ông Phan Xuân A và Lê Thị B.

Tuyên bố hủy hợp đồng mua bán điều bông giữa ông Phan Xuân A, bà Lê Thị B với anh Phan Xuân P, chị Võ Thị L lập ngày 06 tháng 09 năm 2016.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu buộc anh Phan Xuân P phải trả tiền mua điều bông năm 2017 là 45.000.000 đồng và tiền bồi thường do anh P cưa điều là 2.000.000 đồng.

Ghi nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự: đồng nguyên đơn bà Lê Thị B và ông Phan Xuân A có trách nhiệm trả cho anh Phan Xuân P số tiền 40.000.000 đồng (đây là tiền công chăm sóc, bón phân vườn điều) do hợp đồng bị hủy.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: bà B và ông A không phải chịu. Hoàn trả cho bà Lê Thị B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 1.110.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0024027, quyền số 000481 ngày 22/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Anh Phan Xuân P phải nộp là 2.300.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền phải thi hành, bên phải thi hành chậm thi hành thì ngoài số tiền phải trả còn phải chịu lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- ↳ TAND tỉnh Bình Phước;
- ↳ VKSND huyện Đồng Phú;
- ↳ THADS huyện Đồng Phú;
- ↳ Các đương sự.
- ↳ Lưu;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ Tòa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Nguyên Hoàng